

**TỈNH ỦY CAO BẰNG  
BAN TUYÊN GIÁO**

\*

**Số 246-CV/BTGTU**

*V/v gửi Tài liệu tham khảo tháng 6/2021*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Cao Bằng, ngày 17 tháng 6 năm 2021*



**Kính gửi:** - Báo cáo viên Trung ương đơn vị tỉnh Cao Bằng,  
- Báo cáo viên cấp tỉnh,  
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,  
- Ban Tuyên giáo, Tuyên huấn các huyện, thành ủy,  
Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và khó lường, ngày 11/6/2021, Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành Công văn số 741-CV/BTGTW về việc không tổ chức Hội nghị Báo cáo viên Trung ương tháng 6/2021. Trong công văn, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chỉ đạo định hướng tuyên truyền một số nội dung trọng tâm tháng 6/2021.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương; căn cứ Chương trình công tác năm 2021, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn Tài liệu tham khảo tháng 6/2021 (trong đó tại phần “Định hướng tuyên truyền thời gian tới” có bổ sung định hướng tuyên truyền theo chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương). Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đề nghị các đồng chí báo cáo viên Trung ương đơn vị tỉnh Cao Bằng, báo cáo viên cấp tỉnh, các địa phương, đơn vị lưu tâm để triển khai thực hiện công tác tuyên truyền tại địa phương, đơn vị (có tài liệu gửi kèm theo).

**Trân trọng!**

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU (p/h),
- Lãnh đạo Ban,
- Các phòng thuộc Ban,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

**K/T TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**Bế Dũng**







TỈNH ỦY CAO BẰNG  
BAN TUYÊN GIÁO

\*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

THÁNG 6 - 2021

*(Lưu hành nội bộ)*

1. Kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
2. Kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TU, ngày 11/02/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”.
3. Một số kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới.
4. Phát huy các lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế cửa khẩu, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2020 - 2025.
5. Định hướng kế hoạch thực hiện công tác Dân số và phát triển của tỉnh giai đoạn 2021- 2025.
6. Định hướng công tác tuyên truyền thời gian tới.

TÀI LIỆU THÔNG TIN CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO DÙNG CHO BÁO CÁO VIÊN







**Chuyên đề 01:**

**KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP  
NHIỆM KỲ 2021 - 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng Nhân dân (HĐND) các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã thành công tốt đẹp, đảm bảo dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thực sự là ngày hội của Nhân dân tỉnh Cao Bằng, kết quả cuộc bầu cử tại tỉnh đã đóng góp quan trọng vào thành công chung của cuộc bầu cử diễn ra trên toàn quốc. Với tỷ lệ 99,62% tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu, cử tri tỉnh Cao Bằng đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với việc xây dựng cơ quan quyền lực các cấp của tỉnh và cả nước. Lựa chọn những đại biểu ưu tú, đủ đức, đủ tài để bầu vào Quốc hội và HĐND các cấp. Ngày bầu cử được diễn ra trong không khí vui tươi, phấn khởi và thực sự là ngày hội của toàn dân; công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, công tác phòng, chống Covid-19 được đảm bảo, không xảy ra các điểm nóng, tình huống ảnh hưởng xấu đến cuộc bầu cử. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh đủ số lượng, đúng cơ cấu, thành phần theo định hướng, cụ thể như sau:

**1. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội**

Căn cứ biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV của hai Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử tỉnh đã xác định và báo cáo Hội đồng bầu cử Quốc gia danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội tại tỉnh Cao Bằng. Ngày 10/6/2021, Hội đồng bầu cử Quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 748/NQ-HĐBCQG về việc công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV. Theo đó, số người trúng cử đại biểu Quốc hội tại tỉnh Cao Bằng là 06 đại biểu, trong đó có 02 đại biểu do Trung ương giới thiệu về địa phương, bao gồm:

(1) Đồng chí Lại Xuân Môn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng khóa XIV.

(2) Đồng chí Đỗ Quang Thành, Thiếu tướng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban quốc phòng và An ninh của Quốc hội.

(3) Đồng chí Nguyễn Đình Việt, Ủy viên Ban Thư ký Quốc hội, Vụ trưởng Vụ Kinh tế, Văn phòng Quốc hội.

(4) Đồng chí Đại tá Đàm Minh Diện, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

(5) Đồng chí Bé Minh Đức, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng.

(6) Đồng chí Đoàn Thị Lê An, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.



Như vậy, số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu trúng cử Quốc hội khóa XV đảm bảo cơ cấu đại biểu theo hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Về cơ cấu:* Nữ: 01 người, chiếm 16,7%; Dân tộc thiểu số: 03 người, chiếm 50%; Tái cử: 02 người, chiếm 33,3%.

*Về thành phần:* Cơ quan Đảng: 01, chiếm 16,7%; Chính quyền: 03, chiếm 50%; Quân đội: 02, chiếm 33,3%.

So với đại biểu Quốc hội khóa XIV, tỷ lệ đại biểu khóa XV có trình độ chuyên môn cao hơn (*02 đại biểu có trình độ chuyên môn là tiến sĩ*); số đại biểu là người dân tộc thiểu số, đại biểu tái cử, đại biểu là nữ tương đương khóa XIV.

Số đơn vị đề nghị bầu lại, bầu bổ sung: Không có.

## **2. Kết quả bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026**

### **2.1. Kết quả bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh**

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, số lượng đại biểu HĐND tỉnh Cao Bằng được bầu là 50 đại biểu. Kết quả bầu cử đại biểu HĐND tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021 - 2026, số người trúng cử đại biểu HĐND tỉnh là 50 đại biểu, đủ số lượng, đảm bảo cơ cấu, thành phần theo quy định.

*Về cơ cấu và trình độ:* Đại biểu là dân tộc thiểu số: 45 (chiếm 90%); Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): 07 (chiếm 14%); Đại biểu là nữ: 19 (chiếm 38%); Đại biểu tái cử: 18 (chiếm 36%); Trình độ chuyên môn: đại học: 30 (chiếm 60%), sau đại học 20 (chiếm 40%); Trình độ lý luận chính trị cao cấp: 50 (tỷ lệ 100%).

*Về thành phần:* Cơ quan Đảng: 21 (chiếm 42%); Chính quyền: 13 (chiếm 26%); Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức đoàn thể: 11 (chiếm 22%); Quân đội, Công an: 03 (chiếm 6%); cơ quan, đơn vị khác: 02 (chiếm 4%).

So với cơ cấu đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 thì 6/12 tiêu chí về cơ cấu, thành phần đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ này cao hơn nhiệm kỳ trước (*đại biểu trẻ tuổi, đại biểu là nữ, đại biểu tái cử, đại biểu có trình độ chuyên môn sau đại học, đại biểu có trình độ lý luận chính trị cao cấp, tỷ lệ đại biểu công tác tại cơ quan Đảng*). Số đại biểu công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban MTTQ và các tổ chức thành viên giảm; không có đại biểu là người ngoài Đảng.

### **2.2. Kết quả bầu cử đại biểu HĐND cấp huyện**

Số đại biểu HĐND cấp huyện nhiệm kỳ 2021 - 2026 được bầu: 315 đại biểu.

Số đại biểu trúng cử: 315 đại biểu.

Số đơn vị đề nghị bầu lại, bầu bổ sung: Không có.

*Về cơ cấu và trình độ:* Đại biểu là dân tộc thiểu số: 293 (chiếm 93,02%); Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): 98 (chiếm 31,11%); Đại biểu là nữ: 103 (chiếm 32,69%); Đại biểu tái cử: 145 (chiếm 46,03%); Trình độ chuyên môn: đại học: 246 (chiếm 78,1%), sau đại học: 40 (chiếm 12,7%), dưới đại học: 28 (chiếm 8,89%), chưa qua đào tạo: 01 (chiếm 0,32%); Trình độ lý luận chính trị: cao cấp và cử nhân: 162 (chiếm 51,43%), trung cấp: 150 (chiếm 47,62%), sơ cấp: 02 (chiếm 0,63%), chưa qua đào tạo: 01 (chiếm 0,32%).



*Về thành phần:* Cơ quan Đảng: 170 (chiếm 53,97%); Chính quyền: 80 (chiếm 25,4%); MTTQ và các tổ chức đoàn thể: 43 (chiếm 13,65%); Quân đội, Công an: 18 (chiếm 5,71%); cơ quan, đơn vị khác: 04 (chiếm 1,27%).

So với cơ cấu đại biểu HĐND cấp huyện nhiệm kỳ 2016 - 2021 thì 8/12 tiêu chí về cơ cấu, thành phần đại biểu HĐND cấp huyện nhiệm kỳ 2021- 2026 cao hơn so với nhiệm kỳ trước (*đại biểu trẻ tuổi; đại biểu là nữ; đại biểu tái cử; đại biểu có trình độ chuyên môn sau đại học; đại biểu có trình độ lý luận chính trị cao cấp; đại biểu công tác tại cơ quan Đảng; đại biểu công tác tại Ủy ban MTTQ và các tổ chức thành viên; đại biểu công tác tại cơ quan, đơn vị khác*).

3/12 thành phần đại biểu có tỷ lệ tương đương nhiệm kỳ trước (*tỷ lệ đại biểu là người dân tộc thiểu số; đại biểu công tác tại cơ quan chính quyền; tỷ lệ đại biểu công tác tại cơ quan Quân đội và Công an*). Đại biểu là người ngoài Đảng ít hơn nhiệm kỳ trước.

### **2.3. Kết quả bầu cử đại biểu HĐND cấp xã**

Số đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 được bầu: 3.074 đại biểu.

Số đại biểu trúng cử: 3.048 đại biểu, thiếu 26 đại biểu tại 26 xã thuộc 10 huyện, thành phố (*cụ thể: huyện Hạ Lang: 03, Hòa An: 02, Bảo Lạc: 02, Bảo Lâm: 01, Thạch An: 04, Nguyên Bình: 03, Hà Quảng: 03, Quảng Hòa: 06, thành phố Cao Bằng: 02*).

Số đơn vị đề nghị bầu lại, bầu bổ sung: Không có.

*Về cơ cấu và trình độ:* Đại biểu là dân tộc thiểu số: 2.953 (chiếm 96,88%); Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): 1.714 (chiếm 56,23%); Đại biểu là nữ: 814 (chiếm 25,07%); Đại biểu tái cử: 1.534 (chiếm 50,33%); Trình độ chuyên môn: đại học 924 (chiếm 30,31%), sau đại học: 09 (chiếm 0,30%), dưới đại học: 1.044 (chiếm 34,25%), sơ cấp và chưa qua đào tạo: 1.071 (chiếm 35,14%); Trình độ lý luận chính trị: cao cấp 49 (chiếm 1,61%), trung cấp: 1.247 (chiếm 40,91%), sơ cấp và chưa qua đào tạo: 1.752 (chiếm 57,48%).

*Về thành phần:* Cơ quan Đảng: 539 (chiếm 17,68%) Chính quyền: 737 (chiếm 24,18%), MTTQ và các tổ chức đoàn thể: 558 (chiếm 18,31%); Quân đội, Công an: 125 (chiếm 4,10%); cơ quan, đơn vị khác: 1.089 (chiếm 35,73%).

So với cơ cấu đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2016 - 2021 thì 7/12 tiêu chí về cơ cấu, thành phần đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021- 2026 cao hơn nhiệm kỳ trước (*đại biểu trẻ tuổi; đại biểu là nữ; đại biểu tái cử; đại biểu có trình độ chuyên môn Trung cấp trở lên; đại biểu có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên; tỷ lệ đại biểu công tác tại cơ quan Đảng; đại biểu công tác tại cơ quan, đơn vị khác*). Đại biểu là người dân tộc thiểu số bằng nhiệm kỳ trước; đại biểu công tác tại cơ quan Đảng, Chính quyền; Công an, Quân đội và các cơ quan quản lý nhà nước giảm so với nhiệm kỳ trước.

-----



Chuyên đề 02:

**KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 04-CT/TU,  
NGÀY 11/02/2011 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VỀ TIẾP TỤC  
THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA “DÂN VẬN KHÉO”**

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác dân vận<sup>1</sup>; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo:

Tỉnh ủy ban hành: Quyết định số 1833-QĐ/TU, ngày 12/8/2010 về việc ban hành Quy chế công tác dân vận trong hệ thống chính trị tỉnh Cao Bằng; Hướng dẫn số 22-HD/TU, ngày 04/3/2020 thực hiện “Năm dân vận khéo” năm 2020 gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 332-KH/TU, ngày 06/5/2019 triển khai thực hiện Kết luận số 43-KL/TW, ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 12/3/2016 về “Tăng cường và đổi mới công tác Dân vận trong vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, có đạo giai đoạn 2016 - 2020”; Đề án số 09-ĐA/TU, ngày 25/5/2017 về “công tác cán bộ dân tộc Mông, Dao, Sán Chỉ, Lô Lô và các dân tộc thiểu số ít người khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025”.

UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch số 2651/KH-UBND, ngày 22/9/2015 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg, ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 2421/QĐ-UBND, ngày 14/12/2015 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020”; Kế hoạch số 743/KH-UBND, ngày 26/3/2020 về triển khai thực hiện công tác dân vận chính quyền năm 2020.

Ban Dân vận Tỉnh ủy đã tham mưu cho Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) thực hiện Phong trào thi đua “Dân vận khéo” cấp tỉnh; hướng dẫn các huyện, thành ủy thành lập BCĐ cấp huyện, thành lập Tổ dân vận ở xóm, tổ dân phố; ban hành các kế hoạch, hướng dẫn... đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện Phong

<sup>1</sup> Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 25-NQ/TW); Chỉ thị số 49 CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XI) về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 49-CT/TW); Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 16/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 16/CT-TTg); Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về ban hành Quy chế giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là nghị định số 04/2015/NĐ-CP); Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về ban hành Quy định về MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.



trào; thường xuyên xây dựng kế hoạch đi kiểm tra cơ sở để đôn đốc chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

10 năm qua, tỉnh Cao Bằng triển khai thực hiện 5.358 mô hình, điển hình “*Dân vận khéo*” (3.399 tập thể, 1.959 cá nhân) trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có 1.706 mô hình phát triển kinh tế; 1.503 mô hình văn hóa - xã hội; 799 mô hình quốc phòng - an ninh; 830 mô hình xây dựng hệ thống chính trị; 520 mô hình xây dựng nông thôn mới. Nhiều mô hình điển hình “*Dân vận khéo*” có sức lan toả, ảnh hưởng tích cực đến các mặt của đời sống xã hội, góp phần khơi dậy tinh thần yêu nước, thi đua lao động sản xuất, giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống, tập hợp được đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã biểu dương, khen thưởng 1.044 lượt tập thể và cá nhân điển hình “*Dân vận khéo*”. Cụ thể:

### 1. Lĩnh vực phát triển kinh tế

Phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” đã khơi dậy tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân trong lao động, sản xuất, kinh doanh, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH). Các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các đoàn thể đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế với những cách làm “*Dân vận khéo*” sáng tạo, được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng, tích cực tham gia, như: Đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp; áp dụng khoa học - kỹ thuật, thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ giống, vốn kết hợp hướng dẫn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật theo phương châm “cầm tay chỉ việc”; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong nhân dân thông qua các tổ tiết kiệm cho hội viên, đoàn viên nghèo vay để phát triển kinh tế. Nhiều mô hình “*Dân vận khéo*” triển khai có hiệu quả đã được nhân rộng tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân<sup>1</sup>.

Việc xây dựng, biểu dương và nhân rộng các mô hình “*Dân vận khéo*” trong phát triển kinh tế, sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương đã góp phần nâng cao chất lượng đời

<sup>1</sup> Mô hình tập thể tiêu biểu: Trồng hồi và sa mộc tại xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm; trồng cỏ voi gắn với phát triển chăn nuôi tại xã Vĩnh Quang, huyện Bảo Lâm; trồng mía nguyên liệu xuất khẩu tại xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang; làm miến dong, trồng rau hữu cơ, Việt Gap, các mô hình giúp đỡ nhau phát triển kinh tế hộ gia đình tại huyện Hoà An; tổ hội chăn nuôi bò sinh sản, trồng và chế biến miến dong, trồng cây dược liệu tại huyện Nguyên Bình...

Mô hình cá nhân tiêu biểu: Ông Hoàng Văn Quân, huyện Hạ Lang phát triển kinh tế hộ gia đình trong chăn nuôi Dê, kết hợp sản xuất cây nông sản, chăn nuôi lợn, bò sinh sản thu nhập lãi trên 100 triệu đồng/năm; gia đình ông Mạc Văn Hạc, huyện Bảo Lâm với mô hình trồng hồi và chưng cất tinh dầu hồi kết hợp chăn nuôi, thu nhập đạt trên 123 triệu đồng/năm; bà Lý Thị Thu, huyện Hoà An chăn nuôi bò thu nhập 200-300 triệu đồng/năm; mô hình trồng thanh long của ông Đinh Văn Cừ, mô hình trồng cây dong riềng, chế biến sản xuất miến dong của ông Du Văn Sứ, huyện Nguyên Bình; các mô hình VACR của hộ gia đình ông Tạ Quyết Thắng tổ 3, ông Đinh Ngọc Trần tổ 20, ông Triệu Trung Kiên, ông La Văn Cáo tổ 20, phường Sông Hiến, ông Nông Văn So xóm 4, xã Chu Trinh, ông Triệu Văn Tân tổ 10, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng; gia đình ông Triệu Tạ Hìn, huyện Hà Quảng với mô hình trồng trọt, chăn nuôi kết hợp làm kinh tế dịch vụ đạt doanh thu 200 - 300 triệu đồng/năm...



sống nhân dân, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 38,06% năm 2010 xuống còn 22,07% năm 2020.

## 2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

Phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” đã huy động được sức mạnh của hệ thống chính trị và toàn xã hội cùng tham gia; các phong trào văn hóa, văn nghệ ngày càng phát triển, từng bước đi vào nền nếp; “*Dân vận khéo*” trong công tác nhân đạo, từ thiện có sức lan tỏa nhanh, khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái, ý thức trách nhiệm của cộng đồng, góp phần giảm bớt khó khăn, tạo cơ hội cho những người dễ bị tổn thương vươn lên hòa nhập cộng đồng.

Chính quyền các cấp chủ động phối hợp và tạo điều kiện cùng MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước; các mô hình “*Gia đình 5 không, 3 sạch*”, “*Giỏi việc nước, đảm việc nhà*”, “*Mái ấm công đoàn*”, phong trào thi đua “*Cựu chiến binh gương mẫu*”; tổ dân phố “*không có tệ nạn xã hội*”, xóm “*không có ma túy*”, “*không có người sinh con thứ ba*”; xây dựng nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang... được nhân rộng và thu hút nhiều thành phần, dân tộc, lứa tuổi và giới tính tham gia<sup>1</sup>. Qua đó đã góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức cho người dân về kiến thức chăm sóc sức khỏe, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình, phòng, chống dịch bệnh, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân, số làng, xóm, cơ quan, đơn vị, gia đình văn hoá tăng qua các năm<sup>2</sup>.

## 3. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

Cấp ủy, chính quyền, lực lượng vũ trang trong tỉnh đã thường xuyên quan tâm công tác vận động quần chúng, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia cùng lực lượng vũ trang xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Lực lượng vũ trang chủ động phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện tốt công tác dân vận; nắm chắc và tham mưu xử lý kịp thời, hiệu quả các vụ việc phức tạp, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các phong trào thi đua yêu nước “*Quần chúng tham gia tự quản đường biên mốc quốc giới, an ninh trật tự xóm bản khu vực biên giới*”, “*Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới*”, “*Toàn dân bảo vệ an*

<sup>1</sup> Mô hình tập thể tiêu biểu: Mô hình di chuyển trâu, bò, gia súc ra khỏi gầm sàn nhà được triển khai sâu rộng trên địa bàn toàn tỉnh; mô hình “*Dân vận khéo trong công tác giải phóng mặt bằng*” và xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị tại Thành phố; mô hình khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống tại các huyện Hòa An, Quảng Hòa, Thạch An; mô hình khéo vận động nhân dân không sinh con thứ 3 tại huyện Bảo Lạc.

Mô hình cá nhân tiêu biểu: ông Đàm Văn Rìn, ông Lý Văn Lợi, huyện Quảng Hòa; ông Nông Thanh Hải, huyện Trùng Khánh; ông Lương Văn Chiêu, huyện Nguyên Bình; ông Hà Thế Hưng, thành phố Cao Bằng; ông Nông Văn Hải, huyện Hà Quảng...

<sup>2</sup> Năm 2010, có 73% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá, 45% xóm đạt tiêu chuẩn văn hoá, 85% số cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hoá; xây dựng được 123 nhà văn hoá xóm, tổ dân phố. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 85% hộ gia đình, 55% làng, xóm, tổ dân phố, 95% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hoá; 80,7% xóm có nhà văn hóa.



ninh Tổ quốc”, “Công an nhân dân học tập và thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy” được triển khai sâu rộng; nhiều mô hình, điển hình được xây dựng, nhân rộng, đạt hiệu quả cao như: mô hình xây dựng “Nhà đồng đội”, “Mái ấm nơi biên giới”, “Nâng bước em đến trường”, giúp đỡ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt,... đã góp phần xây dựng, củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước, Quân đội và nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 153 Hội đồng an ninh trật tự xã, phường, thị trấn; 895 Ban an ninh trật tự và tổ hòa giải tại xóm, tổ dân phố; 392 mô hình liên gia tự quản, 19 mô hình dòng họ tự quản, 235 tổ mô hình “1+2”, “1+3” (01 hộ gia đình Cựu chiến binh gương mẫu phối hợp với 02 hoặc 03 hộ liền kề thành một điểm tựa về phòng chống tội phạm), 118/118 xóm biên giới thành lập tổ tự quản; việc tăng cường giao lưu hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa giữa nhân dân hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thăm hỏi, chúc mừng nhân dịp lễ, tết, các sự kiện quan trọng của mỗi bên, phối hợp quản lý, bảo vệ biên giới theo 3 văn kiện và các biên bản thoả thuận của Ủy ban liên hợp biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc được quan tâm thực hiện; có 8 cụm dân cư hai bên biên giới kết nghĩa (7 cụm xóm, 01 cụm thị trấn). Thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh đã có nhiều mô hình hay, mang lại hiệu quả rõ nét<sup>1</sup>.

#### 4. Lĩnh vực xây dựng hệ thống chính trị

Cấp ủy các cấp đã gắn phong trào thi đua “Dân vận khéo” với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phân công cấp ủy viên, đảng viên trực tiếp dự sinh hoạt tại các chi bộ cơ sở; tăng cường cán bộ có trình độ, năng lực công tác về giúp đỡ xây dựng cơ sở, mang lại hiệu quả thiết thực<sup>2</sup>. Chính quyền các cấp quan tâm giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về thực thi công vụ, tinh thần phục vụ nhân dân. MTTQ và các tổ chức thành viên thường xuyên chăm lo xây dựng, nâng cao chất lượng cán bộ và đội ngũ làm công tác dân vận, chủ động đổi mới nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương; phối hợp với chính quyền tổ chức tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp Quốc hội, HĐND các cấp theo quy chế đã ký kết; tập trung giám sát các lĩnh vực mà nhân dân quan tâm, tăng cường đối thoại trực tiếp với nhân dân; phát huy vai trò giám sát đối với cán bộ, đảng viên và các cơ quan Nhà nước trong thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là các chính sách liên quan trực tiếp đến nhân

<sup>1</sup> Mô hình tập thể điển hình: Mô hình liên kết đảm bảo an ninh trật tự giữa xã Huy Giáp, huyện Bão Lặc với Công ty Cổ phần chế biến trúc tre xuất khẩu Cao Bằng; mô hình liên gia tự quản, dòng họ tự quản tại huyện Hoà An; mô hình tổ dân phố tự quản, xây dựng tuyến phố văn minh của thành phố Cao Bằng; mô hình tổ dân vận vận động quần chúng nhân dân thực hiện có hiệu quả các phong trào “Khu dân cư không có tệ nạn xã hội”, xóm lành mạnh không có ma túy tại huyện Hạ Lang...

Mô hình cá nhân điển hình: ông Ma A Tú, huyện Bão Lặc vận động được 6 hộ cam kết từ bỏ tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh; ông Hồng Văn Thủy, huyện Quảng Hòa; ông Đinh Văn Chấn, bà Nông Thị Vân Anh, huyện Thạch An đã vận động quần chúng nhân dân xây dựng và thực hiện tốt mô hình khu dân cư tự quản về an ninh trật tự, hoà giải các vụ việc tranh chấp xảy ra trong thôn, góp phần vào thành công chung của các phong trào thi đua ở địa phương...

<sup>2</sup> Tiêu biểu như: Mô hình tăng cường cán bộ có trình độ, năng lực công tác về cơ sở các xã vùng biên của Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh; mô hình vận động quần chúng nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo của một số khu phố, xã thuộc huyện Bão Lặc; các ông Lê Văn Sơn, Mê Văn Đạt, Nông Văn Hoà - Bộ đội Biên phòng tăng cường, giữ chức vụ Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch UBND các xã biên giới....



dân; góp phần tích cực trong việc hạn chế đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp kéo dài, giữ gìn đoàn kết trong nhân dân, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự an toàn xã hội từ cơ sở; nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14, ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng, tỉnh đã chỉ đạo hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, các xóm, tổ dân phố đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng quy trình, quy định, tạo được sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân<sup>1</sup>.

### 5. “*Dân vận khéo*” trong xây dựng nông thôn mới

Phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” gắn với thực hiện “*Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*” được cấp uỷ, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp quan tâm triển khai thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng: 10 năm qua, nhân dân tự nguyện hiến trên 900.000m<sup>2</sup> đất; hơn 800.000 ngày công lao động, hàng ngàn m<sup>3</sup> nguyên liệu đất đá, cát sỏi, xi măng... để xây dựng đường làng, ngõ xóm, xây dựng nhà văn hoá thôn, xóm, kiên cố hoá công trình thuỷ lợi, nước sạch, nhà vệ sinh, cơ sở vật chất y tế, văn hoá, giáo dục... tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân; nhiều mô hình, điển hình “*Dân vận khéo*” tiêu biểu được xây dựng, suy tôn và nhân rộng, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup>.

Sau sáp nhập đơn vị hành chính, tỉnh Cao Bằng có 16 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, tăng 14 xã so với nhiệm kỳ 2010 - 2015, bình quân đạt 12 tiêu chí/xã, tăng 5,5 tiêu chí/xã so với năm 2015; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 17 triệu đồng/năm, tăng 8,7 triệu đồng/người so với năm 2015; có 15.506 hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà, vượt 20,3% mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015 - 2020.

<sup>1</sup> Sau sáp nhập, toàn tỉnh hiện có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (giảm 03 huyện, tỉ lệ giảm 23,07%); 161 đơn vị hành chính cấp xã (giảm 38 xã, tỉ lệ giảm 19,1%); 1.462 xóm, tổ dân phố (giảm 1.025 xóm, tổ dân phố, tỉ lệ giảm 41,2%); giảm 21.874 người hoạt động không chuyên trách (xã giảm 2.374 người, xóm giảm 19.500 người; tỉ lệ giảm 70,93%). Đảng bộ tỉnh có 15 đảng bộ trực thuộc (giảm 04 đảng bộ, tỉ lệ giảm 21%); giảm 480/2.044 đầu mối bên trong các cơ quan, các đơn vị sự nghiệp và tổ chức bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tỉ lệ giảm 23,48% (trong đó, đầu mối bên trong cơ quan đảng, đoàn thể, hành chính giảm 199/641; đơn vị sự nghiệp và đầu mối bên trong đơn vị sự nghiệp công lập giảm 281/1.403).

<sup>2</sup> Một số cá nhân tiêu biểu: Ông Mạc Văn Hạc, huyện Bảo Lâm hiến 2.000m<sup>2</sup> đất, vận động nhân dân hiến 7.000m<sup>2</sup> đất làm đường giao thông nông thôn (GTNT); ông Lý Văn Chấn, huyện Bảo Lâm hiến 2.000m<sup>2</sup> đất ngay chợ xã để làm đường GTNT; ông Lân Văn Tân, huyện Bảo Lạc đóng góp nhiều ngày công lao động và hiến 1.785m<sup>2</sup> đất làm đường GTNT; ông Hoàng Văn Thanh, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng hiến 1.147m<sup>2</sup> đất, 20m<sup>3</sup> bột đá, 12 ca máy xúc san ủi mặt bằng, ủng hộ tiền mặt 15,5 triệu đồng; ông Trịnh Văn Khe, huyện Hà Quảng hiến 1.300m<sup>2</sup> đất làm đường GTNT, là gương sản xuất giỏi; ông Nông Hữu Chung, huyện Nguyên Bình hiến 1.071m<sup>2</sup> đất làm đường nội đồng; ông Vi Quốc Khánh, huyện Nguyên Bình hiến 1.000m<sup>2</sup> đất ruộng làm đường liên thôn; Mô hình trồng cam, quýt của ông Bế Văn Tường, huyện Trùng Khánh; mô hình trồng rau thủy canh ứng dụng khoa học kỹ thuật mới tại huyện Quảng Hòa; mô hình vườn, ao, chuồng và trồng cây thanh long của ông Hoàng Văn Chinh, thành phố Cao Bằng; mô hình Chi hội Cựu chiến binh xóm của huyện Bảo Lâm gây quỹ Hội bằng mô hình chăn nuôi bò tập thể với số lượng 24 con bò trị giá trên 350 triệu đồng; mô hình trồng mía với diện tích 05 ha, trồng lúa hương thơm Kinh Bắc với diện tích 5.000m<sup>2</sup> của huyện Quảng Hòa...



### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Ưu điểm

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TU, phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” đã được các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện thường xuyên và đạt được nhiều kết quả quan trọng; việc xây dựng mô hình, nhân rộng điển hình “*Dân vận khéo*” trở thành phong trào chung của cả hệ thống chính trị và được Nhân dân hưởng ứng, tích cực tham gia.

Phong trào “*Dân vận khéo*” gắn với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, đoàn viên, hội viên về vị trí, vai trò của công tác dân vận trong tình hình mới; đồng thời huy động được nhiều nguồn lực để phát triển KT - XH, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh, củng cố lòng tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

#### 2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

##### 2.1. Tồn tại, hạn chế

Phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” ở một số nơi còn mang tính hình thức, chưa gắn với nhiệm vụ chính trị của ngành, của cơ quan, đơn vị, địa phương. Một số ít BCD thực hiện phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” ở cơ sở chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai thực hiện phong trào; việc xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của BCD còn hạn chế, chưa thường xuyên.

Nhiều mô hình “*Dân vận khéo*” đã đăng ký nhưng chưa được quan tâm chỉ đạo dẫn đến việc xây dựng mô hình, điển hình hiệu quả chưa cao, chưa có chiều sâu, không tạo được sức lan toả và kém bền vững. Có nơi còn lúng túng trong việc chọn nội dung để thực hiện “*Dân vận khéo*”; công tác triển khai còn chung chung, chưa sát với tình hình của địa phương, đơn vị.

Công tác tham mưu và sự phối hợp giữa Ban Dân vận các cấp với chính quyền, các ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội chưa được thường xuyên, hiệu quả chưa cao.

##### 2.2. Nguyên nhân

Một số ít cấp ủy, chính quyền, cơ quan đơn vị chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”; công tác hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chưa thường xuyên. Nhận thức về phong trào “*Dân vận khéo*” của lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên còn hạn chế, nhất là việc thể hiện cách làm, phương pháp, nghệ thuật vận động quần chúng Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.



Việc xây dựng mô hình “*Dân vận khéo*” ở một số nơi còn nhầm lẫn với mô hình làm kinh tế giỏi; việc trao đổi kinh nghiệm, phổ biến những cách làm hay trong tham mưu xây dựng điển hình tiên tiến, mô hình “*Dân vận khéo*” còn hạn chế. Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” chưa được thường xuyên, nhất là việc biểu dương, động viên, khen thưởng để nhân rộng các mô hình tiên tiến, tạo sức lan toả trong đời sống xã hội.

Một số cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận; đồng chí cấp uỷ phụ trách công tác dân vận ở các cơ quan; phụ trách khối dân vận các xã, phường, thị trấn chưa làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền trong tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua ở địa phương, đơn vị.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

*Một là*, lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải nhận thức đúng đắn, đầy đủ mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và tầm quan trọng của phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”.

*Hai là*, việc xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình “*Dân vận khéo*” phải bám sát và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh, của địa phương, giải quyết được những vấn đề bức thiết, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

*Ba là*, Ban Dân vận, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phải thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; bám sát tình hình thực tiễn, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân, phát hiện những vấn đề Nhân dân quan tâm, những khó khăn bức xúc để tham mưu, đề xuất, kiến nghị với cấp uỷ, chính quyền các cấp có những giải pháp giải quyết một cách kịp thời.

*Bốn là*, phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội thật sự tâm huyết, có kỹ năng, kinh nghiệm vận động quần chúng với tinh thần “*Thật thà nhúng tay vào việc*”, “*Óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm*”.

*Năm là*, trong tổ chức xây dựng mô hình, điển hình “*Dân vận khéo*” phải đề ra nội dung, mục tiêu, thời gian phân đấu cụ thể; BCD các cấp thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc thực hiện, kịp thời sơ kết, tổng kết biểu dương, khen thưởng ngay từ cơ sở.

## **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 04-CT/TU TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Một số nhiệm vụ trọng tâm**

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận, các chỉ thị, nghị quyết, thông báo, kết luận... của Trung ương về



công tác vận động quần chúng; Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Cao Bằng.

- Tăng cường tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa, mục đích, vai trò, tác dụng của phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”, gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TU, trọng tâm là nhân rộng các mô hình, điển hình “*Dân vận khéo*” trên các lĩnh vực đời sống xã hội; kịp thời sơ kết, tổng kết biểu dương, khen thưởng ngay từ cơ sở.

## 2. Giải pháp tổ chức thực hiện

- Cấp ủy các cấp tăng cường chỉ đạo việc quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 25-NQ/TW; Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 26/8/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW; Quyết định số 1833-QĐ/TU, ngày 12/8/2010 của Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế công tác dân vận trong hệ thống chính trị tỉnh Cao Bằng; phân công lãnh đạo phụ trách công tác dân vận tại các cơ quan, đơn vị.

- Ban Dân vận, BCD phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” các cấp, các ngành tăng cường tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”; huy động mọi nguồn lực trong Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các phong trào, các cuộc vận động do Trung ương và địa phương phát động.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác dân vận trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; kịp thời nắm và giải quyết những tâm tư, nguyện vọng chính đáng, những vấn đề bức xúc của Nhân dân; chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân, nhất là các gia đình chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ban Chỉ đạo phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm kiện toàn BCD; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và nhân rộng mô hình, điển hình “*Dân vận khéo*” theo ngành, lĩnh vực.

- MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hướng về cơ sở, nắm chắc tình hình, tâm trạng, đời sống của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, kịp thời phản ánh cho cấp ủy, chính quyền những vấn đề phát sinh cần phải chỉ đạo giải quyết. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận động Nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, đồng thời tôn vinh, ghi nhận, biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”.

-----



**Chuyên đề 03:**

**MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020;  
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI**

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác giảm nghèo<sup>1</sup>, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo:

Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 26/4/2017 Hội nghị lần thứ 09 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

HĐND tỉnh ban hành: Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND, ngày 14/7/2017 về thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 quy định một số mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017 - 2020.

UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND, ngày 27/6/2016 về ban hành Quy định công tác bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135; Quyết định số 226/QĐ-BCĐ-CTMTQG, ngày 05/03/2017 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo (BCĐ) thực hiện các chương trình MTQG tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND, ngày 10/5/2018 về ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch số 449/KH-UBND, ngày 24/02/2017 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020...

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Kết quả thực hiện các chính sách (theo Nghị quyết số 80/NQ-CP, ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020):** Đã có trên 56.284 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn phát triển sản xuất tạo việc làm; trên 3.000 hộ được hỗ trợ nhà ở; hỗ trợ công trình nước sinh hoạt tập trung và phân tán cho 8.739 hộ; hỗ trợ tiền điện cho 220.306 lượt hộ nghèo, hộ thuộc diện chính sách bảo trợ xã hội, cấp 1.732.585 lượt thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng bảo trợ xã hội...; tạo việc làm cho 60.268 lao động; trợ cấp xã hội thường xuyên cho 16.362

<sup>1</sup> Nghị quyết số 100/2015/QH13, ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 80/NQ-CP, ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020...



đối tượng tại cộng đồng, trợ cấp khó khăn đột xuất cho 561 trường hợp; trợ cấp mai táng phí cho 2.425 trường hợp; thực hiện cứu đói tết Nguyên đán và cứu đói giáp hạt cho 136.815 lượt hộ, 567.486 khẩu, với số gạo 9.455,43 tấn; thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trên 500.000 lượt học sinh; hỗ trợ kinh phí 188.296,25 triệu đồng cho 236.908 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid -19.

**2. Kết quả thực hiện các Dự án giảm nghèo (theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020):**

### **2.1. Dự án 1 (Chương trình 30a)**

Vốn giao: 1.517.567 triệu đồng; kết quả giải ngân được 1.488.475 triệu đồng, đạt 98% kế hoạch, cụ thể:

- *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo:* đã thực hiện đầu tư 599 công trình<sup>1</sup>; thực hiện duy tu bảo dưỡng 156 công trình.

- *Tiểu dự án 3<sup>2</sup>: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo:* Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo được 468 dự án<sup>3</sup>; thực hiện 26 dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo<sup>4</sup>; với 1.328 hộ nghèo, cận nghèo tham gia mô hình; hỗ trợ tiêm phòng được 1.079.216 liều vắc xin phòng, chống dịch bệnh động vật<sup>5</sup>.

- *Tiểu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài:* Tổ chức 172 lớp đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, tuyên truyền viên cơ sở; tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước cho 29 người; hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho lao động xuất cảnh đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng: 341 người.

### **2.2. Dự án 2 (Chương trình 135)**

Vốn giao: 1.186.597 triệu đồng. Kết quả giải ngân được 1.169.315 triệu đồng, đạt 98,5% kế hoạch, cụ thể:

- *Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, xóm đặc biệt khó khăn:* Đã thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng được 885 lượt công trình<sup>6</sup>; thực hiện duy tu, bảo dưỡng được 356 công trình cơ sở hạ tầng các loại<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Trong đó: 341 công trình giao thông, 44 công trình trường học, 38 công trình nước sinh hoạt, 63 công trình điện, 50 công trình thủy lợi, 19 công trình y tế, 02 công trình chợ, 42 công trình khác.

<sup>2</sup> Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

<sup>3</sup> Với các nội dung hỗ trợ: 69.001,38 kg giống cây lương thực (giống ngô, giống lúa), 56.645 kg gừng giống, 3.410 kg giống nghệ, 51.927 kg giống lạc, 7,59 ha mía, 30 ha cò, 50.508 cây ăn quả, 297.600 cây dâu tằm, 1.432.607 cây công nghiệp, 1.531.012 cây lâm nghiệp, 2.500 cây trúc sào, 11.886,96 kg vôi, 2.054,2 tấn phân bón; 1.677 máy móc công cụ sản xuất; 1.133 cái chuồng trại, 120 con dê; 3.989 con lợn; 25 con trâu; 1.163 con bò cái; 340.347 con gà; 7.392 con vịt; 260.652 kg thức ăn chăn nuôi; 51 ha khai hoang, tổng số hộ thụ hưởng 59.404 hộ. Hỗ trợ gạo cho các hộ nghèo các thôn, bản biên giới, hộ nghèo nhận khoán, bảo vệ, chăm sóc và trồng rừng trong thời gian chưa tự túc được lương thực: 4.569 hộ, 22.054 khẩu, với 877,545 tấn gạo.

<sup>4</sup> Trong đó: dự án tạo việc làm công cho người nghèo thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ cấp thôn, bản: 17 dự án; dự án lâm nghiệp: 01 dự án; dự án mô hình nông nghiệp dinh dưỡng: 08 dự án.

<sup>5</sup> Gồm: Vắc xin lở mồm long móng, tụ huyết trùng trâu bò; dịch tả lợn; nhiệt thán.

<sup>6</sup> Trong đó: 515 công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; 31 công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất; 55 công trình là trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt



- *Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn (ĐBK), xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản ĐBK*: Thực hiện 780 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế<sup>2</sup>; tổng số hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tham gia dự án: 106.233 lượt. Hỗ trợ cho 7.120 lượt hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tham gia được 194 mô hình<sup>3</sup>.

- *Tiểu Dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản ĐBK*: Đã mở được 181 lớp, 07 cuộc tham quan, học tập với 16.425 lượt học viên<sup>4</sup>; 100% lượt học viên là người dân tộc thiểu số.

### **2.3. Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135)**

Vốn giao: 6,502 tỷ đồng, kết quả giải ngân được 6,407 tỷ đồng, đạt 98,5% KH. Thực hiện 78 mô hình<sup>5</sup>; tổng số hộ tham gia: 2.764 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

#### **2.4. Dự án 4 (Truyền thông và giảm nghèo về thông tin)**

Vốn giao 9,080 tỷ đồng, kết quả giải ngân được 9 tỷ đồng, đạt 99% KH:

- *Truyền thông về giảm nghèo*: Tổ chức 59 cuộc truyền thông với 7.588 người tham dự là công chức cấp xã, các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại một số xã của một số huyện trên địa bàn tỉnh; in 2.500 cuốn tài liệu tuyên truyền về các chính sách mới của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 cấp cho 2.500 trưởng thôn/xóm/tổ dân phố để triển khai tại cơ sở.

- *Truyền thông về thông tin*: Hỗ trợ phương tiện nghe - xem cho 952 hộ nghèo thuộc các dân tộc rất ít người; hộ nghèo sống tại các xã ĐBK; 06 bộ trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động (gồm thiết bị âm thanh, ánh sáng, thiết bị phụ trợ) cho 06 huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Nguyên Bình, Thạch An, Hạ Lang, Quảng Hòa.

#### **2.5. Dự án 5 (Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá)**

Số kinh phí được cấp là 16.117 triệu đồng, kết quả giải ngân được 13,898 tỷ đồng, đạt 86,23% kế hoạch:

cộng đồng; 15 trường, lớp học đạt chuẩn; 57 công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân; 200 công trình thủy lợi nhỏ được cải tạo, xây mới; 01 trạm y tế; 11 công trình hạ tầng khác do cộng đồng đề xuất.

<sup>1</sup> Trong đó: 270 công trình giao thông nông thôn; 01 công trình cung cấp điện; 07 nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng; 01 trường, lớp học; 41 công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân; 28 công trình thủy lợi nhỏ; 08 công trình hạ tầng khác.

<sup>2</sup> Bao gồm hỗ trợ: 473.745 con gia súc, gia cầm các loại; 293.804,9 cây ăn quả; 25.602,9 kg giống lương thực; 2.528,3 tấn phân bón; 4.485,2 tấn thức ăn chăn nuôi; 5.775 máy móc nông nghiệp; xây mới, sửa chữa 628 chuồng trại; 496.933 cây lâm nghiệp; 22.259 cây công nghiệp; 82.000 cây dâu tằm; 5.228,6 kg kiệu giống..

<sup>3</sup> Bao gồm: 57 mô hình trồng trọt, 84 mô hình chăn nuôi, 02 mô hình lâm nghiệp, 04 mô hình làm đường.

<sup>4</sup> Trong đó, có 10.420 lượt người là cán bộ công chức các xã; 6.005 lượt người là cán bộ, hội viên đoàn thể, cộng đồng và người có uy tín.

<sup>5</sup> Bao gồm: 37 mô hình chăn nuôi, nông lâm nghiệp; 38 dự án đa dạng hóa sinh kế; 03 mô hình thí điểm tạo việc làm công cho người nghèo thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng nhỏ ở thôn bản.



- Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp: Sở LĐ-TB&XH tỉnh đã tổ chức 168 cuộc hội nghị với 25.175 đại biểu tham dự<sup>1</sup>.

- Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá: Đã thực hiện 54 cuộc kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình tại huyện, xã (*trong đó Sở LĐ-TB&XH: 38 cuộc, Sở NN&PTNT: 16 cuộc*); nhập cơ sở dữ liệu quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ kinh phí cho các huyện và các đơn vị chủ trì Dự án đi kiểm tra tại cơ sở; tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh.

### **3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo**

Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 20,59%, giảm bình quân 4,12%/năm, đạt 137,3% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các bộ, ngành Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở (*cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đã thành lập BCD Chương trình, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên BCD*); sự nỗ lực cố gắng, từng bước vươn lên của người nghèo, các hộ nghèo.

- Giai đoạn 2016-2020 được thông báo vốn đầu tư công trung hạn đã tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc xây dựng kế hoạch và bố trí vốn hàng năm cho các địa phương để triển khai thực hiện.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, các huyện, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch; huy động các nguồn lực để hỗ trợ cho các huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số; sử dụng lòng ghép các nguồn lực đầu tư của Nhà nước, của các đoàn thể chính trị - xã hội, kết hợp khai thác các tiềm năng sẵn có và phát huy nội lực cũng như ý thức trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của địa phương, cơ sở, hộ gia đình và bản thân mỗi người nghèo tham gia thực hiện Chương trình đạt hiệu quả.

- Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục được chú trọng và tổ chức thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp từ đó đã nâng cao nhận thức, quyết tâm và trách nhiệm thoát khỏi đói nghèo cho mỗi người dân, cả cộng đồng; đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo từ cấp tỉnh, huyện, xã được đào tạo cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

### **2. Hạn chế và nguyên nhân**

- Nhận thức về trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo ở một số sở, ban, ngành, địa phương, cơ sở chưa thực sự chủ động, chưa sâu sát, quyết liệt trong tổ chức thực hiện chính sách, dự án của Chương trình; đội ngũ cán bộ làm công tác

<sup>1</sup> Trong đó: 120 hội nghị tập huấn điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; 01 hội nghị tập huấn hướng dẫn thực hiện mô hình nông nghiệp đỉnh dưỡng năm 2020 cho học viên của 7 huyện nghèo để triển khai thực hiện mô hình; 19 cuộc về các chế độ chính sách mới về giảm nghèo giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết 30a, chính sách bảo hiểm y tế, Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 25/10/2016 của Bộ LĐ-TB&XH hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; 9 hội nghị chính sách mới về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.



giảm nghèo tại một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức; một bộ phận người nghèo chưa nhận thức đúng về trách nhiệm của mình, còn trông chờ, ỷ lại, thiếu quyết tâm vươn lên vượt qua đói nghèo.

- Nguồn lực đầu tư cho Chương trình hàng năm còn hạn hẹp, vốn cấp chưa đảm bảo theo tiến độ, hiệu quả lồng ghép nguồn lực cho giảm nghèo chưa cao. Do Cao Bằng còn là tỉnh nghèo, ngân sách địa phương đầu tư cho Chương trình giảm nghèo còn ở mức thấp.

- Một số văn bản Trung ương ban hành chậm<sup>1</sup> nên tỉnh phải chờ văn bản của Trung ương mới có cơ sở để ban hành văn bản hướng dẫn của địa phương.

- Giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016 Quy định nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, dựa trên các tiêu chí về dân số và dân tộc thiểu số, quy mô hộ nghèo, diện tích đất tự nhiên, đơn vị hành chính, định mức xác định hệ số giữa các mức rất sát nhau; do vậy, số kinh phí được phân bổ giữa các huyện có số lượng về dân số, quy mô hộ nghèo khác nhau nhưng kinh phí phân bổ gần bằng nhau là chưa hợp lý.

- Hằng năm, tỉnh xây dựng dự toán các dự án của Chương trình báo cáo Bộ LĐ-TB&XH, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài chính nhưng các Bộ không căn cứ kế hoạch của địa phương để phân bổ vốn chi tiết cho các dự án, tại Quyết định giao vốn của Trung ương cho các địa phương (*giao cụ thể cho từng dự án, tiểu dự án không đúng với nhu cầu kế hoạch của địa phương*), dẫn đến 1 số dự án cần thực hiện không có vốn, một số dự án địa phương không thực hiện được lại thừa vốn, trong khi đó địa phương không được phép điều chỉnh.

- Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên việc triển khai thực hiện hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

#### IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Chính phủ và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KT-XH và giảm nghèo, đồng thời nghiên cứu xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo định hướng chỉ đạo của Trung ương, phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH của địa phương. Tập trung nguồn lực hỗ trợ các xã ĐBKK, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao để phấn đấu hoàn thành mục tiêu phát triển bền vững; trong đó, phấn đấu mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 4%/năm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX đề ra.

<sup>1</sup> Như: Thông tư số 15/2017/TT-BTC, ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT, ngày 09/10/2017 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2017 (*Nghị quyết số 40/NQ-CP, ngày 10/5/2017 của Chính phủ*), trong đó quy định cụ thể về thực hiện chính sách đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020...



2. Tăng cường các giải pháp chủ động hỗ trợ thông qua chính sách thị trường lao động như vay vốn tín dụng, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, kết nối việc làm với nhóm hộ có sức lao động. Bảo đảm cân đối nguồn và tăng cường nguồn lực đầu tư trung hạn của Nhà nước cho các chính sách, chương trình giảm nghèo. Lồng ghép chính sách phải đi kèm nguồn lực và sử dụng nguồn lực có hiệu quả.

3. Tập trung chỉ đạo công tác giảm nghèo gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực cho các huyện nghèo, xã, xóm ĐBKK để đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng như điện, đường giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt...; thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng các mô hình giảm nghèo phù hợp, hiệu quả... Tỉnh có cơ chế khuyến khích tăng nguồn vốn cho các địa phương thực hiện Chương trình đạt kết quả tốt, kết quả giải ngân cao; giảm nguồn vốn đối với các địa phương thực hiện đạt hiệu quả thấp.

4. Tập trung thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với hộ nghèo thuộc nhóm chính sách bảo trợ xã hội (*là nhóm không có khả năng để thoát nghèo*); xây dựng kế hoạch hàng năm và đưa ra các giải pháp đối với nhóm còn lại để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, trong đó chú trọng công tác tuyên truyền vận động, khuyến khích, nâng cao ý thức trách nhiệm cho các hộ nghèo để họ tự nguyện tham gia đóng góp vốn của gia đình thực hiện cùng với các chính sách hỗ trợ, hạn chế tư tưởng trông chờ ỷ lại.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “*Cao Bằng chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” trên địa bàn tỉnh với thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Xác định phong trào thi đua là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên nhằm huy động, lồng ghép nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

6. Quan tâm đào tạo, tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình tại cơ sở. Tổ chức học tập, nhân rộng các mô hình giảm nghèo đã thực hiện thành công, để nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo trong công tác giảm nghèo.

#### Chuyên đề 04:

### **PHÁT HUY LỢI THẾ CỦA TỈNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA KHẨU GÓP PHẦN TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KHU KINH TẾ CỦA KHẨU TỈNH CAO BẰNG**

##### **1. Đặc điểm tình hình**

##### **1.1. Vị trí địa lý**

Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc, có diện tích tự nhiên trên 6.724,6km<sup>2</sup>. *Phía Bắc và Đông Bắc*, tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) với đường biên giới dài trên 333km; có 01 cửa



khẩu Quốc tế (Tà Lùng), 03 cửa khẩu chính (Trà Lĩnh, Sóc Giang, Lý Vạn) và nhiều cửa khẩu phụ, lối mở, điểm thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu (XNK) từ các tỉnh nội địa và hàng hóa các nước ASEAN (Lào, Campuchia, Thái Lan...) sang Trung Quốc và ngược lại. *Phía Nam*, giáp tỉnh Bắc Kạn, có đường giao thông huyết mạch quốc lộ 3 kết nối với tuyến cao tốc Bắc Kạn - Thái Nguyên - Hà Nội - Hải Phòng. *Phía Đông*, giáp tỉnh Lạng Sơn, có đường quốc lộ 4A kết nối với tuyến đường cao tốc Lạng Sơn - Bắc Giang - Hà Nội - Hải Phòng. *Phía Tây*, giáp tỉnh Hà Giang.

Đối diện với các cửa khẩu tỉnh Cao Bằng là các cửa khẩu của Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), cụ thể: Tà Lùng - Thủy Khẩu, Trà Lĩnh - Long Bang, Sóc Giang - Bình Mãng, Lý Vạn - Thạc Long, Pò Peo - Nhạc Vu, Bí Hà - Khoa Giáp...; các cặp cửa khẩu này đang được Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, với chiến lược rất bài bản về phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ. Dân số Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) là 48,57 triệu người, đứng thứ 10 trong số các tỉnh, thành phố ở Trung Quốc, nhu cầu về hàng hoá ở vùng này rất đa dạng, yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hoá phù hợp với trình độ sản xuất hàng hoá hiện có của Việt Nam. Như vậy, việc phát triển Khu kinh tế cửa khẩu (KTCK) Cao Bằng là một cơ hội hữu ích, thiết thực cho cả hai phía Việt Nam - Trung Quốc.

Khoảng cách kết nối từ Cao Bằng đến Hà Nội, Hải Phòng - các trung tâm kinh tế, chính trị, trung tâm logistics, kho bãi, dịch vụ lớn nhất của miền Bắc tương đối thuận lợi. Cao Bằng là trung gian liên kết, XNK hàng hóa từ Việt Nam đến các trung tâm kinh tế lớn của Trung Quốc như Trùng Khánh, Tứ Xuyên, Quý Châu và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây. Đồng thời, với vị trí nằm ở cửa ngõ giao lưu hàng hóa từ Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây và các tỉnh Tây, Tây Nam Trung Quốc (*như Trùng Khánh, Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu*) ra biển và đến các nước ASEAN, Cao Bằng chính là một trong các cửa ngõ giao lưu thương mại của Việt Nam nói riêng và của ASEAN nói chung với thị trường Trung Quốc đầy tiềm năng.

### **1.2. Vai trò quan trọng của Khu KTCK tỉnh Cao Bằng**

Khu KTCK tỉnh Cao Bằng được thành lập tại Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg, ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, là khu vực có nhiều tiềm năng và lợi thế có thể tận dụng và khai thác, có chiều dài đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc trên 265/333 km đường biên giới toàn tỉnh, diện tích tự nhiên là 30.130 ha nằm trên địa bàn 05/10 huyện, có cửa khẩu Quốc tế Tà Lùng, 03 cặp cửa khẩu chính (Trà Lĩnh, Sóc Giang, Lý Vạn) và nhiều cặp cửa khẩu phụ, lối mở, đường mòn trên biên giới, tạo ra nhiều tiềm năng, lợi thế trong việc mở rộng quan hệ hợp tác phát triển kinh tế xã hội (KT-XH), hợp tác du lịch, giao lưu văn hóa với các địa phương phía Trung Quốc.

Khu KTCK được hưởng các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư đặc thù thuận lợi cho khai thác tiềm năng, lợi thế khu vực. Với đặc điểm tình hình như trên cho thấy tỉnh Cao Bằng nói chung và Khu KTCK Cao Bằng nói riêng giữ vị trí rất quan trọng trong phát triển KT-XH, giữ vững an ninh biên giới quốc gia.



Để phát huy hiệu quả lợi thế của tỉnh, trên tất cả các lĩnh vực có tiềm năng, nhất là khai thác thế mạnh về phát triển KTCK, thương mại và dịch vụ, tỉnh đã quan tâm phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn như logistics, các cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản phục vụ cho XNK hàng hóa, đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng cửa khẩu, lối mở biên giới, phấn đấu xây dựng Cao Bằng trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa từ cảng Quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng) đi Trùng Khánh - Urumqi (Trung Quốc) - Khorgos (Kazakhstan) sang các nước Châu Âu và ngược lại như Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX đã đề ra.

## **2. Tình hình hoạt động xuất nhập khẩu qua Khu KTCK của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020**

Trong những năm qua, Khu KTCK đã đạt được một số kết quả quan trọng, hoạt động thương mại, XNK hàng hóa tại các cửa khẩu ngày càng sôi động và có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng đa dạng về chủng loại và số lượng. Với hơn 700 doanh nghiệp tham gia hoạt động XNK, kho hàng, bến bãi,... đã đóng góp vào kim ngạch XNK (kể cả kim ngạch giám sát) qua địa bàn tỉnh, nên tổng kim ngạch XNK giai đoạn 2016-2020 tăng nhanh, đạt 10,9 tỷ USD, tăng 174,5% so với giai đoạn 2011-2015. Thu ngân sách từ thu thuế XNK hàng hóa đạt 1.253,5 tỷ đồng, tăng 17,26% so với giai đoạn 2011-2015. Thu phí hạ tầng cửa khẩu được trên 986 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khá trong tổng thu ngân sách của tỉnh. Kết quả cụ thể:

- Về kim ngạch hàng hóa XNK: Hàng hóa xuất khẩu chủ yếu gồm có nông sản như: gạo, ngô, sắn lát, hạt điều, hoa quả; gỗ bóc; thủy hải sản đông lạnh. Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là các mặt hàng máy móc thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất. Hàng tái xuất chủ yếu là thực phẩm đông lạnh, hải sản, hoa quả khô. Kim ngạch XNK đạt 10,9 tỷ USD (*chi tiết có bảng số liệu kèm theo*).

*Đơn vị: 1.000 USD*

Kim ngạch XNK hàng hóa	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng	2.134.561,	2.851.528,	2.904.595,	2.391.081,	639.128,
Kim ngạch xuất khẩu	358.212,	631.684,	572.308,	668.766,	278.246,
Kim ngạch nhập khẩu	475.323,	170.472,	139.434,	109.945,	166.154,
Kim ngạch giám sát hàng hóa tạm nhập tái xuất; kho ngoại quan	1.301.026,	2.049.371,	2.192.851,	1.612.370,	104.727,

- Kết quả về thu nộp ngân sách từ thuế và thu phí sử dụng hạ tầng cửa khẩu của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong Khu KTCK tỉnh Cao Bằng đạt 2.239,691 tỷ đồng, trong đó: thu thuế XNK đạt trên 1.253,5 tỷ đồng; thu phí sử dụng hạ tầng cửa khẩu đạt trên 986 tỷ đồng. (*Chi tiết có bảng số liệu kèm theo*)



Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng thu	462.501,	486.471,	517.822,	535.761,	237.136,
Thu từ thuế của hàng hóa XNK	208.416,	207.377,	252.033,	364.358,	221.358,
Thu từ phí sử dụng hạ tầng cửa khẩu	254.085,	279.094,	265.789,	171.403,	15.778,

- Hoạt động XNK trong Khu KTCK đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho bà con cư dân biên giới tham gia hoạt động dịch vụ bốc xếp, giao nhận hàng hóa với mức lương 6-8 triệu đồng/người/tháng.

- Công tác Chống buôn lậu, gian lận thương mại, các loại tội phạm khác giữ gìn an ninh biên giới chủ quyền quốc gia: Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng đã bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Ban chỉ đạo 389 Quốc gia, của tỉnh<sup>1</sup>, Ban chỉ đạo 138<sup>2</sup> của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan; đồng thời chủ động phối hợp với các với lực lượng Công an, Biên phòng, Quản lý thị trường và cấp ủy, chính quyền địa phương với quyết tâm “tích cực, chủ động trong phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả” góp phần đảm bảo an ninh kinh tế khu vực KTCK đảm bảo KT-XH của tỉnh; tăng cường hợp tác quốc tế về hải quan, trong việc trao đổi thông tin về phòng, chống buôn lậu giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan Trung Quốc; giữa Hải quan các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh (Việt Nam) với Hải quan Nam Ninh (Trung Quốc) nên đã triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát hải quan, ngăn chặn, đẩy lùi và hạn chế được các hoạt động buôn lậu phức tạp xảy ra trên địa bàn biên giới. Đặc biệt, tổ chức triệt phá thành công nhiều chuyên án lớn liên quan đến vận chuyển trái phép chất ma túy. Kết quả giai đoạn 2016-2020, đã phát hiện, bắt giữ và xử lý được 218 vụ, trong đó xử lý hành chính 182 vụ, xử lý hình sự 36 vụ. Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng ra quyết định khởi tố 10 vụ án, phối hợp xử lý 26 vụ án.

## **II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH CAO BẰNG GÓP PHẦN PHÁT HUY LỢI THẾ, TIỀM NĂNG KHU KTCK TỈNH ĐỂ TĂNG THU NGÂN SÁCH TRONG THỜI GIAN TỚI (GIAI ĐOẠN 2021-2025)**

Với vai trò là cơ quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về Hải quan qua địa bàn tỉnh Cao Bằng, trực tiếp thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát và thực hiện thủ tục cho hàng hóa XNK, qua các cửa khẩu, lối mở trong Khu KTCK tỉnh Cao Bằng, Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện góp phần phát huy lợi thế, tiềm năng Khu KTCK của tỉnh để tăng thu ngân sách trong giai đoạn 2021-2025 như sau:

### **1. Mục tiêu:**

- Tổng kim ngạch XNK qua địa bàn tăng bình quân 10%/năm.

<sup>1</sup> Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

<sup>2</sup> Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm.



- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân trên 12%/năm.

## 2. Nhiệm vụ

- Quản lý, kiểm tra, giám sát và thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa, vật phẩm tại cửa khẩu biên giới theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính và vận dụng sáng tạo cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho hoạt động XNK hàng hóa trên địa bàn tỉnh; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; thực hiện kiểm tra giám sát hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hải quan theo quy định của pháp luật đảm bảo hàng hóa được thông quan nhanh chóng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp để tăng kim ngạch XNK qua địa bàn Khu KTCK, tăng thu ngân sách nhà nước góp phần tạo điều kiện cho chính quyền các cấp nhất là các huyện biên giới phát huy lợi thế cửa khẩu để phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

## 3. Giải pháp thực hiện

3.1. Về thực hiện thông quan hàng hóa XNK nhanh chóng qua các cửa khẩu, kết nối thương mại các doanh nghiệp, đảm bảo đúng quy định. Tích cực triển khai Chương trình của Tỉnh về phát triển KTCK. Tập trung chỉ đạo hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp trong phát triển hệ thống các địa điểm kiểm tra, tập kết hàng hóa XNK ở biên giới.

Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành để tham mưu cho Tỉnh, cho ngành trong việc phát huy lợi thế Khu KTCK để thúc đẩy các hoạt động XNK qua địa bàn, tham mưu về cơ chế, chính sách cho Khu KTCK, xây dựng cơ sở hạ tầng, du lịch, dịch vụ khác góp phần tạo việc làm cho người lao động, nhất là nhân dân ở khu vực biên giới có thêm thu nhập, từng bước xóa đói, giảm nghèo, phát triển KT-XH địa phương, tăng thu ngân sách trên địa bàn. Tăng cường vận động nhân dân không tham gia buôn lậu hoặc tiếp tay cho buôn lậu và tích cực tố giác tội phạm buôn lậu qua biên giới.

3.2. Về nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức; tăng cường công tác kỷ luật, kỷ cương, hành chính. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng đội ngũ cán bộ, công chức để kịp thời giải quyết những tâm tư nguyện vọng chính đáng, hợp lý và ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tăng cường quản lý, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của cơ quan. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; nâng cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, trong thực hiện nhiệm vụ nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về Hải quan.

Xây dựng đội ngũ cán bộ Hải quan, nhất là cán bộ chủ chốt, đội ngũ cán bộ kế cận, cán bộ giỏi chuyên môn nghiệp vụ, có bản lĩnh chính trị, có tố chất ưu tú, có tiềm năng và chiều hướng phát triển với cơ cấu hợp lý và tính kế thừa, đảm bảo đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Tập trung làm tốt quy hoạch cán bộ gắn với đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động cán bộ, nhằm chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận được rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành. Quản lý nguồn nhân lực dựa trên mô tả vị trí việc làm, khung năng lực nhằm bố trí đúng người, đúng việc, bảo đảm đúng người, đúng việc, hợp lý về cơ cấu nâng cao hiệu suất làm việc. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng có chuyên môn sâu, có



trình độ đáp ứng yêu cầu khung năng lực của Ngành và hội nhập quốc tế. Hằng năm, tổ chức đánh giá năng lực đối với lãnh đạo cấp Chi cục và tương đương trở xuống. Tạo thuận lợi tối đa cho cán bộ, công chức, người lao động tham gia học tập, tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ.

3.3. Tiếp tục đẩy mạnh tập trung vận hành tốt Hệ thống thủ tục hải quan điện tử VNACSS/VCIS và nộp thuế điện tử 24/7, Hệ thống quản lý kho, bãi VASSCM và các Hệ thống phần mềm khác ở mức cao hơn để tiến tới Hải quan thông minh. Nâng cao năng lực chỉ số cạnh tranh với tinh thần “phục vụ doanh nghiệp” đến từng bộ phận, cán bộ, đảng viên, công chức. Tăng cường các hoạt động gấp gờ, đối thoại theo các hình thức phù hợp với cộng đồng doanh nghiệp XNK ở cả 2 cấp Cục và Chi cục, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho hoạt động XNK, thúc đẩy quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp ngày càng phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính thông qua việc công khai các văn bản về thủ tục, chính sách hàng hóa, chính sách thuế và phí; thực hiện tốt dịch vụ công trực tuyến, nhận và trả kết quả theo phương thức điện tử; duy trì tổ giải quyết vướng mắc, đường dây nóng, đối thoại doanh nghiệp; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Tuyên truyền các hoạt động của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể trên Cổng thông tin điện tử Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng tại địa chỉ: <https://caobang.customs.gov.vn>.

3.4. Tăng cường thu thập thông tin qua việc ứng dụng, khai thác công nghệ thông tin, các trang thiết bị hiện đại, các hệ thống phần mềm của ngành; thực hiện hiệu quả các quy chế, kế hoạch phối hợp trong hoạt động với các lực lượng chức năng trên địa bàn; triển khai hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ của ngành trong lĩnh vực kiểm soát hải quan, điều tra chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra sau thông quan, thanh tra chuyên ngành...

3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, của UBKT Đảng ủy đối với việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng bộ hàng năm tại tất cả các Chi bộ trực thuộc, nhất là những nhiệm vụ gắn với cải cách phát triển hiện đại hóa của đơn vị; kết hợp lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Tập trung kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện quy chế làm việc, duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính và hoạt động công vụ của công chức.

3.6. Về công tác phối hợp các ngành trong quản lý hoạt động XNK và chống buôn lậu, gian lận thương mại theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Ban chỉ đạo 389 Quốc gia, của tỉnh, Ban chỉ đạo 138 của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan. Tiếp tục nâng cao công tác phối hợp giữa Hải quan với Công an tỉnh Cao Bằng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn lậu, gian lận thương mại và các tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật khác; thực hiện tốt kế hoạch và quy chế phối hợp hoạt động giữa Cục Hải quan tỉnh Cao Bằng với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh. Duy trì phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng: Biên phòng, Công an, Quản lý thị trường trong việc thực hiện chống buôn lậu, gian lận thương mại và phòng, chống ma túy. Tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế về Hải quan, trong việc trao đổi thông tin về phòng, chống buôn lậu giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan Trung Quốc, giữa Hải quan các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh (Việt Nam) với Hải quan Nam Ninh (Trung Quốc).

---



## **ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **I. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

#### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Tỉnh uỷ ban hành: Kế hoạch số 190-KH/TU, ngày 15/01/2018 về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành: Kế hoạch số 307/KH-UBND, ngày 08/02/2018 thực hiện “Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2018 - 2025”; Kế hoạch số 1234/KH-UBND, ngày 20/5/2020 kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 thực hiện chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030; Kế hoạch số 1587/KH-UBND, ngày 30/6/2020 thực hiện chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 của tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch số 184/KH-UBND, ngày 22/01/2021 thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 288/KH-UBND, ngày 04/02/2021 thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGD) đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch số 346/KH-UBND, ngày 17/02/2021 thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2030; Kế hoạch số 743/KH-UBND, ngày 01/4/2021 thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 của tỉnh Cao Bằng.

#### **2. Mục tiêu công tác dân số và phát triển của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025**

Chương trình Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh: Từng bước không chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh để tỷ số này hàng năm không vượt quá 1 điểm phần trăm/năm, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên khoảng 107 bé trai/100 bé gái.

Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng: Phần đầu hàng năm tổng tỷ suất sinh toàn tỉnh giảm 0,07 con/phụ nữ. Đến năm 2025, tổng tỷ suất sinh trên địa bàn toàn tỉnh đạt 2,1 con/phụ nữ<sup>1</sup>.

Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD: Bảo đảm đầy đủ, đa dạng hoá, kịp thời, an toàn, thuận tiện, có chất lượng các dịch

<sup>1</sup> Trong đó:

- Tăng 10% tổng tỷ suất sinh ở các địa bàn có mức sinh thấp (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có dưới 2,0 con).
- Giảm 10% tổng tỷ suất sinh ở các địa bàn có mức sinh cao (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có trên 2,2 con).
- Duy trì kết quả ở những các địa bàn đã gần đạt mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có từ 2,0 con đến 2,2 con).
- Duy trì tỉ lệ tăng dân số của dân tộc Lô Lô cao hơn mức bình quân chung cả tỉnh (tỉ lệ tăng dân số bình quân của tỉnh năm 2025 dự kiến là 0,83 - theo Kế hoạch 1234/KH-UBND ngày 20/5/2020).



vụ KHHGD, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Cao Bằng<sup>1</sup>.

Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số, góp phần thực hiện thành công chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030. Cụ thể: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 52% và tăng tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 80%.

Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi (*người từ đủ 60 tuổi trở lên*) bảo đảm thích ứng với già hóa dân số, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Chương trình Truyền thông dân số: Nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp về công tác dân số và phát triển, vận động người dân tích cực ủng hộ, tham gia thực hiện chính sách dân số. Tập trung tuyên truyền nội dung chuyên hướng chính sách từ tập trung giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế (*bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con*), vận động mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con, thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh và không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; Ban chỉ đạo công tác Dân số các cấp; các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia của toàn xã hội đối với công tác dân số và phát triển.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch số 190-KH/TU, ngày 15/01/2018 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 1234/KH-UBND, ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh; lồng ghép các yếu tố dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

### **2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số và phát triển**

Đẩy mạnh hoạt động truyền thông chuyên đổi hành vi qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú tạo sức lan tỏa sâu rộng, toàn diện và hiệu quả. Tăng cường công tác truyền thông phối hợp liên ngành; phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng, người có ảnh hưởng đến công chúng tham gia tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện tốt các chính sách dân số và phát triển; lồng ghép nội dung dân số vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hoá, quy ước của xóm, tổ dân phố.

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở tuyến cơ sở. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội; đa

<sup>1</sup> Cụ thể:

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh tại cộng đồng; tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 50%.
- 75% cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Trên 95% cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện KHHGD, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên.



dạng hoá các sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển phù hợp với các nhóm đối tượng và từng địa phương.

Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác truyền thông, giáo dục thân thiện với vị thành niên/thanh niên về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính, bình đẳng giới, không kết hôn sớm, không kết hôn cận huyết thống...

### **3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số và thực hiện chính sách dân số**

Trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2030; Nghị quyết ban hành một số cơ chế chính sách xã hội hoá công tác dân số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2030.

Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

### **4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số**

Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ dân số, dịch vụ KHHGĐ và sàng lọc chẩn đoán trước sinh, sơ sinh; các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ KHHGĐ cơ bản.

Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ dân số, dịch vụ KHHGĐ và sàng lọc chẩn đoán trước sinh, sơ sinh theo hướng mở rộng và nâng cao chất lượng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Huy động các thành phần kinh tế tham gia xã hội hoá cung cấp phương tiện hàng hóa sức khỏe sinh sản và các dịch vụ dân số - KHHGĐ và sàng lọc chẩn đoán trước sinh, sơ sinh.

Phát triển mạng lưới chăm sóc người cao tuổi đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng. Phát triển các loại hình câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe, văn hoá, giải trí của người cao tuổi ở cộng đồng theo hướng xã hội hoá, có sự hỗ trợ, tạo điều kiện của nhà nước. Mở rộng việc cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.

Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, tiếp cận và ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong các dịch vụ Dân số - KHHGĐ, dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại tỉnh.

Phối hợp khai thác, sử dụng số liệu thống kê về dân số đáp ứng yêu cầu xây dựng kế hoạch, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **5. Bảo đảm nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện theo yêu cầu nhiệm vụ công tác dân số trong tình hình mới**

Bổ trí kinh phí thực hiện các chính sách về dân số trong tình hình mới trên địa bàn toàn tỉnh.



Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số và phát triển.

Lồng ghép các hoạt động dân số vào chương trình hoạt động thường xuyên của các ngành, đoàn thể, chương trình, dự án của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ.

## **6. Kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực**

Tiếp tục kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các thành viên Ban chỉ đạo công tác Dân số các cấp đáp ứng yêu cầu chỉ đạo thực hiện toàn diện công tác dân số trong tình hình mới, đặc biệt là công tác phối hợp liên ngành.

Chú trọng việc cập nhật kiến thức, kỹ năng về dân số và phát triển cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có liên quan.

---

## **ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN THỜI GIAN TỚI**

### **1. Những nội dung tập trung tuyên truyền theo chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương**

*1.1. Tuyên truyền Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp tập trung tuyên truyền Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nội dung, giá trị và ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tuyên truyền khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

*1.2. Tuyên truyền giới thiệu chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng – chuyên đề năm 2021 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”*

Tuyên truyền theo Đề cương chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng - chuyên đề năm 2021 và thông tin do Giáo sư, Tiến sỹ Phùng Hữu Phú, Phó



Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương cung cấp thông tin tại Hội nghị trực tuyến nghiên cứu, học tập chuyên đề ngày 12/6/2021.

***1.3. Tuyên truyền Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế***

Tập trung tuyên truyền theo những nội dung cơ bản của Chỉ thị số 04-CT/TW nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các cấp đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt trong quá trình thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng. Tuyên truyền nhấn mạnh: Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác thu hồi tài sản tham nhũng tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

***1.4. Tuyên truyền kết quả các hoạt động đối ngoại quan trọng của lãnh đạo Đảng và Nhà nước***

Tuyên truyền kết quả các hoạt động đối ngoại quan trọng của lãnh đạo cấp cao, như: (1) Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc gửi thư tới Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden trao đổi về mối quan hệ hai nước, đặc biệt là tăng cường hợp tác trong ứng phó với đại dịch Covid-19; gửi thư tới Tổng thống Nga V.Putin nhằm trao đổi về quan hệ song phương; (2) Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tham dự Diễn đàn cấp cao Đối tác vì Tăng trưởng xanh và Mục tiêu toàn cầu 2030 bằng hình thức trực tuyến, đề xuất 6 giải pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu giải quyết hài hòa giữa nhu cầu cấp bách phục hồi kinh tế với yêu cầu phát triển xanh và phát triển bền vững hơn thời kỳ hậu Covid; điện đàm với Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường, thống nhất nhận thức chung về tầm quan trọng của mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống, đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc và các biện pháp tăng cường quan hệ song phương thời gian tới; (3) Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ hội đàm trực tuyến với Chủ tịch Quốc hội Campuchia Samdech Heng Samrin, trao đổi về đẩy mạnh hợp tác ngoại giao nghị viện, khẳng định tiếp tục thực hiện tốt “Thỏa thuận hợp tác giữa hai Quốc hội” đã được ký tháng 5/2021.

***1.5. Tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh Covid-19***

Tăng cường tuyên truyền sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, trách nhiệm của Trung ương, các cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương và các cơ quan chức năng trong việc triển khai các biện pháp khẩn cấp, hiệu quả trong ứng phó với tình hình dịch Covid-19 thời gian qua để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân yên tâm, tin tưởng về khả năng không chế dịch bệnh của Việt Nam.

Tuyên truyền biểu dương người tốt, việc tốt trong phòng, chống dịch bệnh; đề cao, tôn vinh vai trò của lực lượng tuyến đầu, nhất là sự cống hiến, hy sinh của đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và những người dân tự giác, có ý thức trách nhiệm cao trong phòng, chống dịch bệnh. Tuyên truyền



kêu gọi các tầng lớp nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp chung tay ủng hộ, đóng góp để có nguồn lực đẩy lùi dịch bệnh, nhấn mạnh quyết định thành lập Quỹ vaccine của Chính phủ để huy động tổng hợp các nguồn lực xã hội tham gia chống dịch là quyết định hợp lòng dân, thể hiện truyền thống nhân văn, nhân ái của dân tộc ta.

Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt khuyến cáo “5K” (Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế) của Bộ Y tế, nhất là đeo khẩu trang bắt buộc tại nơi công cộng, tại các sự kiện có tập trung đông người, trên các phương tiện giao thông công cộng; khai báo y tế trung thực.

## **2. Những nội dung tuyên truyền theo Tài liệu Báo cáo viên tháng 6/2021**

### ***1.1. Kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng***

Đẩy mạnh tuyên truyền khẳng định cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên toàn quốc và tại tỉnh Cao Bằng diễn ra trong bối cảnh Covid-19 bùng phát ở nhiều tỉnh, thành phố nhưng công tác tổ chức diễn ra chặt chẽ, chu đáo với một không khí phấn khởi, dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, tuyệt đối an toàn, tiết kiệm và đã thành công rất tốt đẹp, thực sự là ngày hội lớn của toàn dân cả nước nói chung và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng nói riêng. Tuyên truyền nhấn mạnh kết quả cuộc bầu cử tại tỉnh đã đóng góp quan trọng vào thành công chung của cuộc bầu cử diễn ra trên toàn quốc.

### ***1.2. Kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TU, ngày 11/02/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Phong trào thi đua “Dân vận khéo”***

Tuyên truyền những kết quả quan trọng toàn tỉnh đã đạt được sau 10 năm triển khai, thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TU, trong đó nhấn mạnh: Phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, đoàn viên, hội viên về vị trí, vai trò của công tác dân vận; huy động được nhiều nguồn lực để phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

### ***1.3. Một số kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới***

Đẩy mạnh tuyên truyền khẳng định: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự vào cuộc cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, sự nỗ lực cố gắng, từng bước vươn lên của người nghèo, các hộ nghèo. Kết quả công tác giảm nghèo đã góp phần quan trọng đóng góp vào sự phát triển KT - XH của tỉnh; vùng nông thôn của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Đồng thời tiếp tục tuyên



truyền triển khai thực hiện phong trào thi đua “*Cao Bằng chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*” gắn với thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”.

Trong đó, tập trung tuyên truyền việc triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (*tài liệu tuyên truyền gửi kèm theo Công văn số 244-CV/BTGTU, ngày 15/6/2021 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy*). Đây là Chương trình an sinh xã hội lớn, có tính nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị các cấp trong tỉnh đối với các gia đình chính sách và hộ nghèo ở địa phương. Việc thực hiện Chương trình là quyết tâm lớn của Đảng bộ tỉnh, được xác định ngay từ đầu nhiệm kỳ 2020 – 2025, với mục tiêu xóa hết nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh vào năm 2022; góp phần tích cực vào việc giảm nghèo nhanh và bền vững ở địa phương. Đồng thời, tuyên truyền phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, từ tỉnh đến cơ sở, trách nhiệm xã hội của cả cộng đồng tham gia tích cực vào Chương trình này; nhất là vai trò nòng cốt, xung kích đi đầu của lực lượng công an các cấp.

#### ***1.4. Phát huy các lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế cửa khẩu, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2020 - 2025***

Tiếp tục tuyên truyền về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Khu KTCK đối với sự phát triển kinh tế, tăng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền nhấn mạnh việc phát triển Khu KTCK Cao Bằng sẽ góp phần thắt chặt tình hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc; thúc đẩy giao lưu kinh tế văn hóa, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân.

#### ***1.5. Định hướng kế hoạch thực hiện công tác Dân số và phát triển của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025***

Tuyên truyền công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021 - 2025 đến các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác dân số và phát triển. Phấn đấu thực hiện tốt và đạt các mục tiêu đã đề ra theo Kế hoạch số 190-KH/TU, ngày 15/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### **3. Những nội dung trọng tâm khác cần tập trung tuyên truyền**

- Tiếp tục tuyên truyền Chỉ thị số 11/CT-TTg, ngày 16/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2021; nâng cao nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong việc quyết tâm thực hiện kỳ thi nghiêm túc, trung thực, khách quan, chất lượng, hiệu quả, bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tuyên truyền nhấn mạnh về cơ bản, việc tổ chức xét tuyển đại học, cao đẳng năm 2021 được giữ ổn định, trong đó đa số các trường sẽ sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung



học phổ thông năm 2021 làm căn cứ tuyển sinh để phụ huynh và học sinh ổn định tâm lý, tập trung ôn tập để có được kết quả cao trong Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Tiếp tục tuyên truyền công tác triển khai các bước Dự án đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn năm 2030; trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và người dân trong thực hiện các chương trình, dự án, đề án.